**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI HỌC KÌ 1, LỚP 12**

**NĂM HỌC: 2023 – 2024**

**MÔN : TIN HỌC**

**Câu 1:**  Để làm việc được với Access ta phải thực hiện thao tác nào trước tiên ?

 **A.**  Xóa chương trình **B.** Đóng chương trình

 **C.**  Lưu chương trình **D.** Khởi động Access

**Câu 2:**  **Trong trường THPT việc quản lí hồ sơ học sinh thì không có nội dung quản lí nào?**

 **A.**  Họ tên, địa chỉ, giới tính. **B.** Họ tên, địa chỉ, tên nhân viên kế toán

 **C.**  Họ tên, ngày sinh, giới tính. **D.**  Họ tên, ngày sinh, địa chỉ.

**Câu 3:**  Để lưu trữ và khai thác thông tin bằng máy tính cần phải có:

 **A.**  Hệ QTCSDL **B.** CSDL, Hệ QTCSDL, các thiết bị vật lí

 **C.**  Hệ CSDL, các thiết bị vật lí **D.**  Các thiết bị vật lí

**Câu 4:**  Chức năng cơ bản của Hệ QT CSDL là:

 **A.** Tạo môi trường thuận lợi và hiệu quả để tạo lập, lưu trữ và khai thác thông tin của một CSDL.

 **B.**  Cung cấp công cụ kiểm soát, điều khiển việc truy cập vào CSDL

 **C.**  Cung cấp môi trường tạo lập CSDL

 **D.**  Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác DL

**Câu 5:**  Trong Acess, để tạo CSDL mới, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng:

 **A.**  Create Table in Design View **B.** File/new/Blank Database

 **C.**  File/open/<tên tệp CSDL> **D.**  Create table by using wizard

**Câu 6:**  Trong Acess, để mở CSDL đã lưu, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?

 **A.**  Create table by using wizard **B.**  Create Table in Design View

 **C.**  File/new/Blank Database **D.** File/open/<tên tệp>

**Câu 7:**  Trong Access, có mấy đối tượng chính?

 **A.** 4 **B.**  3 **C.**  5 **D.**  2

**Câu 8:**  Có mấy chế độ làm việc trong Access

 **A.**  4 **B.** 2 **C.**  3 **D.**  1

**Câu 9:**  Trong hệ QT CSDL, người có nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL được gọi là:

 **A.**  Chủ doanh nghiệp **B.**  Người quản trị CSDL

 **C.** Người dùng **D.**  Người lập trình ứng dụng

**Câu 10:**  Trong Access, có mấy cách để tạo một đối tượng chính?

 **A.**  4 **B.**  5 **C.** 3 **D.**  2

**Câu 11:**  Các thành phần của hệ CSDL gồm:

 **A.** CSDL, hệ QTCSDL, phần mềm ứng dụng.

 **B.**  CSDL, hệ QTCSDL.

 **C.**  Con người, phần mềm ứng dụng, hệ QTCSDL, CSDL.

 **D.**  Con người, CSDL, phần mềm ứng dụng.

**Câu 12:**  Hệ QT CSDL có bao nhiêu chức năng?

 **A.**  2 **B.** 3 **C.**  4 **D.**  1

**Câu 13:**  Khi xây dựng một CSDL của một tổ chức, công việc lựa chọn hệ QTCSDL được thực hiện ở bước nào?

 **A.**  Khảo sát **B.**  Kiểm thử **C.**  Khai thác **D.** Thiết kế

**Câu 14:**  Một trường THPT đã ứng dụng CNTT trong việc quản lí hồ sơ học sinh của trường mình bằng cách xây dựng một CSDL phù hợp. Nhưng trong quá trình khai thác CSDL đó, giáo viên của trường phát hiện ra rằng: “Một giáo viên bất kỳ có thể xem và sửa điểm của tất cả các học sinh ở tất cả các khối lớp.”. Để đảm bảo tính chính xác, khách quan trong việc đánh giá kết quả học tập của học sinh, nhà trường cần khắc phục sự cố trên. **Theo em ai sẽ có vai trò chính trong việc khắc phục sự cố đó.**

**A.** Người quản trị CSDL. **B.** Thầy hiệu trưởng

**C.** Người lập trình ứng dụng. **D.** Giáo viên chủ nhiệm

**Câu 15:**  **Thao tác nào không phải là cập nhật thông tin cho hồ sơ?**

 **A.** Sửa thông tin về ngày sinh của một học sinh

 **B.** Tìm một học sinh nữ có ĐTB>=8.5

 **C.** Xóa thông tin một học sinh đã chuyển lớp.

 **D.** Thêm vào hồ sơ thông tin một học sinh mới

**Câu 16:**  Lập báo cáo là việc:

 **A.** Tra cứu các thông tin có sẵn trong hồ sơ **B.**  Khai thác hồ sơ dựa trên tính toán

 **C.** Sử dụng các kết quả tìm kiếm, thống kê **D.**  Sắp xếp hồ sơ theo một tiêu chí nào đó

**Câu 17:**  MS Access là gì?

 **A.**  Phần mềm tiện ích **B.**  CSDL

 **C.**  Phần mềm hệ thống **D.** Phần mềm quản lý

**Câu 18: Với thông tin học sinh được quản lí trong nhà trường có thể thực hiện mục đích khai thác nào?**

 **A.**  Tìm học sinh nữ đẹp nhất trường **B.**  Xóa học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhất lớp.

 **C.**  Tìm học sinh nam nhà có ô tô. **D.** Tìm một học sinh có ĐTin>=8.5.

**Câu 19: Trong trường THPT việc quản lí hồ sơ học sinh thì không có nội dung quản lí nào?**

 **A.**  Họ tên, ngày sinh, giới tính. **B.**  Họ tên, ngày sinh, địa chỉ.

 **C.** Họ tên, địa chỉ, tên giáo viên dạy thêm. **D.**  Họ tên, địa chỉ, giới tính.

**Câu 20:** Trong Access, để xem thông tin theo một số điều kiện nào đó thì sử dụng đối tượng:

 **A.** Mẫu hỏi **B.**  Báo cáo **C.**  Bảng **D.**  Biểu mẫu

**Câu 21:** Người quản trị CSDL phải chịu trách nhiệm gì đối với hệ CSDL?

 **A.**  Xác định phần cứng, phần mềm để sử dụng.

 **B.**  Khai thác CSDL thông qua các khung nhìn.

 **C.**  Lập trình ứng dụng truy cập vào CSDL.

 **D.** Cài đặt, cấp phát các quyền truy cập CSDL.

**Câu 22: Chọn phương án ghép đúng: “**Mỗi CSDL được tạo trong Access…

 **A.**  Đều phải đặt tên và bắt buộc tạo tất cả các đối tượng liên quan.

 **B.**  Là một đối tượng của Access dựa vào tùy chọn lúc tạo CSDL.

 **C.**  Có thể chứa một hoặc nhiều CSDL khác.

 **D.** Là một tệp duy nhất có phần mở rộng . MDB hoặc .ACCDB (MS ACCESS 2010)

**Câu 23:** Trong hệ QT CSDL, ngôn ngữ nào người dùng có thể diễn tả yêu cầu cập nhật và khai thác thông tin?

 **A.**  Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu. **B.**  Ngôn ngữ lập trình

 **C.**  Ngôn ngữ hỏi có cấu trúc. **D.** Ngôn ngữ thao tác dữ liệu.

**Câu 24:** Đặc điểm nào không thuộc của người quản trị ?

 **A.**  Phẩm chất đạo đức tốt

 **B.** Không có tinh thần học tập, rèn luyện kỹ năng tin học

 **C.**  Hiểu biết sâu về Phần cứng, phần mềm.

 **D.**  Có tinh thần trách nhiệm cao.

**Câu 25:** Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu bao gồm các lệnh cho phép

 **A.**  Khai báo kiểu dữ liệu, cấu trúc dữ liệu

 **B.**  Ngăn chặn sự truy cập bất hợp pháp

 **C.** Khai báo kiểu, cấu trúc, các ràng buộc trên dữ liệu của CSDL

 **D.**  Đảm bảo tính độc lập dữ liệu

**Câu 26: Để tạo lập hồ sơ ta không thực hiện thao tác nào?**

 **A.**  Thu thập thông tin cần thiết cho hồ sơ.

 **B.**  Xác định cấu trúc của hồ sơ.

 **C.**  Xác định chủ thể cần quản lí.

 **D.** Thêm một số thông tin cho hồ sơ.

**Câu 27:** Bước đầu tiên của công việc tạo lập hồ sơ là:

 **A.**  Thu thập thông tin cần quản lí.

 **B.**  Tạo bảng biểu gồm các cột và dòng chứa hồ sơ.

 **C.** Xác định chủ thể cần quản lí.

 **D.**  Xác định cấu trúc hồ sơ.

**Câu 28: Nút lệnh  có tác dụng gì?**

 **A.**  Mở đối tượng. **B.**  Mở chế độ thiết kế.

 **C.** Mở chế độ trang dữ liệu. **D.**  Tạo đôí tượng mới.

**Câu 29:** Xét công tác quản lí hồ sơ, học bạ. Trong số các việc sau, việc nào không thuộc nhóm thao tác cập nhật hồ sơ?

 **A.** In một hồ sơ. **B.**  Thêm hai hồ sơ.

 **C.**  Sửa tên trong hồ sơ. **D.**  Xóa một hồ sơ.

**Câu 30:** Trong hệ CSDL quản lí điểm của học sinh trong trường phổ thông, cho phép phụ huynh

theo dõi tình hình học tập của con em họ. Vậy ai cho phép họ dùng trong hệ CSDL này?

 **A.** Người quản trị CSDL **B.**  Nhà đầu tư

 **C.**  Người lập trình ứng dụng **D.**  Người dùng

**Câu 31:** Một người đang tìm mua vé máy bay trực tuyến của hãng Vietnam Airline. Người đó đã sử dụng chức năng nào của hệ QTCSDL được hãng Vietnam Airline cung cấp?

 **A.** Cập nhật và khai thác dữ liệu. **B.**  Quản lý tập tin dữ liệu.

 **C.**  Tạo lập CSDL. **D.**  Kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL.

**Câu 32:** Xây dựng CSDL giúp ta trong công tác quản lý như thế nào? *Chọn phương án sai*

 **A.**  Quản lý thông tin một cách thuận lợi.

 **B.**  Lưu trữ được lượng thông tin lớn.

 **C.**  Tra cứu thông tin nhanh hơn.

 **D.** Tất cả các phương tiện và sinh vật đang hoạt động.

**Câu 33:** Xét tệp hồ sơ học bạ của một lớp. Các hồ sơ được sắp xếp tăng dần theo điểm trung bình của học sinh. Việc nào dưới đây không cần phải duyệt tất cả các hồ sơ trong tệp.

**A.** Tìm học sinh có điểm trung bình cao nhất

**B.** Tìm học sinh có điểm trung bình trên 6.

**C.** Tính điểm trung bình của tất cả học sinh trong lớp.

**D.** Tính và so sánh điểm trung bình của học sinh nam và học sinh nữ trong lớp.

**Câu 34:** Cho biết đây loại đối tượng gì và đang ở chế độ làm việc nào ?

|  |
| --- |
|  |

 **A.**  Biểu mẫu – thiết kế **B.**  Mẫu hỏi- trang dữ liệu

 **C.** Bảng – trang dữ liệu **D.**  Báo cáo – thiết kế

**Câu 35:** Trên cửa sổ Hình ảnh dưới đây cho biết đối tượng hiện thời là:

|  |
| --- |
|  |

 **A.** biểu mẫu **B.**  mẫu hỏi **C.**  bảng **D.**  báo cáo

**Câu 36:**  Cho các bước sau, để tạo CSDL mới trong CSDL Access, ta thực hiện theo trình tự:

(1)Chọn File ⭢ New (2)Nhập tên CSDL (3)Chọn Blank DataBase (4)Chọn Create

 **A.** 1 ⭢ 3 ⭢ 2 ⭢ 4 **B.**  1 ⭢ 2 ⭢ 4 ⭢ 3

 **C.**  1 ⭢ 3 ⭢ 4→ 2 **D.**  1 ⭢ 2 ⭢ 3 ⭢ 4 .

**Câu 37:** Việc xác định cấu trúc của hồ sơ được tiến hành vào thời điểm nào?

 **A.**  Cùng lúc với việc nhập và cập nhật hồ sơ

 **B.** Trước khi nhập hồ sơ vào trong máy tính.

 **C.**  Trước khi thực hiện các phép tìm kiếm và tra cứu thông tin

 **D.**  Sau khi đã nhập hồ sơ vào trong máy tính.

**Câu 38:** Giả sử em muốn xây dựng CSDL để quản lý điểm học tập của mình, thì em cần phải quản lý những thông tin gì ?

 **A.**  Tên học sinh, tên môn học, tên giáo viên, điểm trung bình.

 **B.**  Tên học sinh, tên môn học, lịch học, lịch học thêm.

 **C.** Tên môn học, điểm các bài kiểm tra, điểm trung bình cuối kì, cuối năm.

 **D.**  Tên môn học, tên giáo viên, địa chỉ giáo viên.

**Câu 39:** Để chọn chế độ thiết kế ta thực hiện.

 **A.**  View→Datasheet View. **B.**  Edit→Datasheet View.

 **C.** View→Design View. **D.**  Edit→Design View.

**Câu 40:** Dữ liệu trong một CSDL được lưu trong:

 **A.**  Bộ nhớ Ram

 **B.** Bộ nhớ Rom.

 **C.**  Bộ nhớ Ngoài

 **D.**  Các thiết bị vật lý.

**Câu 41.** Nhóm khai thác hồ sơ là công việc nào sau đây?

 **A.** Sắp xếp dữ liệu **B.** Xác định cấu trúc hồ sơ

 **C.** Xóa dữ liệu **D.** Nhập dữ liệu

**Câu 42.** Các công việc thường gặp khi xử lý thông tin của một tổ chức là:

 **A.** Tạo lập, cập nhật, khai thác **B.** Tạo lập, khai thác

 **C.** Cập nhật và khai thác **D.** Bổ sung, chỉnh sửa và khai thác

**Câu 43.** Mục tiêu cuối cùng của các công việc thường gặp khi xử lý thông tin của một tổ chức là:

 **A.** Hỗ trợ lập ra kế hoạch xử lý công việc của người đứng đầu tổ chức

 **B.** Hỗ trợ tổng hợp dữ liệu

 **C.** Hỗ trợ cập nhật và khai thác

 **D.** Hỗ trợ cập nhật, báo cáo dữ liệu

**Câu 44.** Thứ tự các việc khi làm việc với CSDL là:

 **A.** Tạo lập CSDL 🡪 Nhập dữ liệu 🡪 Chỉnh sửa dữ liệu 🡪 Khai thác và tìm kiếm dữ liệu

 **B.** Khai thác và tìm kiếm dữ liệu🡪Nhập dữ liệu 🡪 Tạo lập CSDL 🡪 Chỉnh sửa dữ liệu

 **C.** Chỉnh sửa dữ liệu 🡪 Nhập dữ liệu 🡪 Tạo lập CSDL 🡪 Khai thác và tìm kiếm dữ liệu

 **D.** Nhập dữ liệu 🡪 Tạo lập CSDL 🡪 Chỉnh sửa dữ liệu 🡪 Khai thác và tìm kiếm dữ liệu

**Câu 45.** Để thống kê doanh thu tại một Siêu thị, ta thực hiện thao tác nào?

 **A.** Xem thông tin các khách hàng

 **B.** Tính toán, tổng hợp số tiền mua, bán các loại mặt hàng

 **C.** Sắp xếp số tiền và in ra mặt hàng đã bán

 **D.** Lọc ra các mặt hàng và số tiền đã bán

**Câu 46.** Việc nào được thực hiện đầu tiên trong các việc sau khi xây dựng CSDL trên máy tính?

 **A.** Thu thập thông tin **B.** Xóa bớt hồ sơ

 **C.** Nhập dữ liệu vào máy tính **D.** Sắp xếp

**Câu 47.** Nhóm thao tác nào thực hiện tìm ra những học sinh là Nữ, có điểm trung bình lớn hơn 8?

 **A.** Khai thác hồ sơ **B.** Cập nhật hồ sơ

 **C.** Tạo lập hồ sơ **D.** Một công việc khác

**Câu 48.** Đơn vị X quản lý nhân viên văn phòng cần lưu trữ các thông tin cơ bản nào?

 **A.** MaNV, Hoten, SĐT, Diachi, Năng khiếu

 **B.** Hoten, Hoten Cha, Hoten Mẹ, Tên Chồng/vợ

 **C.** MaNV, Hoten, Ngaysinh, SĐT, Diachi, Tiền Lương

 **D.** Hoten, Diachi, SĐT, Ngày nhận lương

**Câu 49.** Chọn từ thích hợp để hoàn thành khái niệm: *“Phần mềm tạo môi trường thuận lợi và hiểu quả để tạo lập, lưu trữ và khai thác…….. được gọi là………..”*

 **A.** hệ CSDL, hệ quản trị CSDL

 **B.** dữ liệu, hệ quản trị CSDL

 **C.** thông tin của CSDL, hệ quản trị CSDL

 **D.** CSDL, hệ CSDL

**Câu 50.** Chọn từ thích hợp để hoàn thành khái niệm: “…… *. là tập hợp các dữ liệu có liên quan với nhau, chứa thông tin của một tổ chức”.*

 **A.** CSDL **B.** Hệ CSDL **C.** Hệ quản trị CSDL **D.** Phần mềm

**Câu 51.** Phần mềm quản lý Ngân hàng thuộc thành phần nào dưới đây?

 **A.** CSDL **B.** Hệ CSDL

 **C.** Phần mềm ứng dụng khai thác CSDL **D.** Các Thiết bị vật lý

**Câu 52.** Một trong các chức năng "Cung cấp các công cụ kiểm soát và điều khiển truy cập vào CSDL” là:

 **A.** Khai báo kiểu dữ liệu, các ràng buộc dữ liệu

 **B.** Diễn tả yêu cầu cập nhật và khai thác thông tin

 **C.** Khai báo cấu trúc dữ liệu

 **D.** Tổ chức và điều khiển truy cập đồng thời

**Câu 53.** Hệ QTCSDL có chức năng Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác CSDL cho phép thực hiện công việc nào?

 **A.** Khai báo kiểu dữ liệu, các cấu trúc dữ kiệu, các ràng buộc dữ liệu

 **B.** Diễn tả yêu cầu cập nhật và khai thác thông tin

 **C.** Khôi phục CSDL khi có sự cố phần cứng, phần mềm

 **D.** Khai thác thông tin

**Câu 54.** Chức năng nào của Hệ QTCSDL thực hiện bảo mật thông tin?

 **A.** Duy trì tính nhất quán

 **B.** Khôi phục CSDL khi có sự cố phần cứng, phần mềm

 **C.** Tổ chức và điều khiển truy cập đồng thờ

 **D.** Phát hiện và ngăn chặn các truy cập không được phép.

**Câu 55.** Người lập trình ứng dụng có vai trò gì?

 **A.** Quản lý tài nguyên của hệ thống;

 **B.** Tạo ra các phần mềm ứng dụng;

 **C.** Duy trì hoạt động của hệ thống;

 **D.** Cấp phát quyền truy cập cho người dùng;

**Câu 56.** Nhóm người nào cấp quyền truy cập để sử dụng CSDL?

 **A.** Người quản trị CSDL; **B.** Người dùng;

 **C.** Người lập trình; **D.** Không có nhóm người nào;

**Câu 57.** Khẳng định nào sau đây là đúng?

 **A.** Hệ QT CSDL là một bộ phận của CSDL, đóng vai trò chương trình dịch cho CSDL.

 **B.** Trong hệ thống, người dùng và người quản trị có chung quyền truy cập như nhau.

 **C.** Quyền truy cập của các nhóm người tham gia vào CSDL là khác nhau.

 **D.** Hệ QT CSDL hoạt động không phụ thuộc vào hệ điều hành.

**Câu 58.** Khi xây dựng CSDL, công việc nào thuộc bước Khảo sát?

 **A.** Xây dựng hệ thống chương trình ứng dụng;

 **B.** Nhập dữ liệu;

 **C.** Lựa chọn hệ QTCSDL;

 **D.** Phân tích các chức năng cần có của hệ thống thông tin;

**Câu 59.** Thứ tự các bước khi xây dựng CSDL là gì?

 **A.** Thiết kế - Khảo sát - Kiểm thử **B.** Khảo sát - Thiết kế - Kiểm thử

 **C.** Thiết kế - Kiểm thử - Khảo sát **D.** Khảo sát - Kiểm thử - Thiết kế

**Câu 60.** Phần mở rộng tập tin CSDL Access là:

 **A.** ACCDB/MDB **B.** PDF **C.** XLS **D.** DOC

**Câu 61.** Nháy đúp vào hoặc có ý nghĩa gì?

 **A.** Khởi động Access **B.** Chỉ định khóa chính

 **C.** Tạo tệp CSDL mới **D.** Xóa tệp CSDL

**Câu 62.** Hãy lựa chọn thứ tự để tự tạo tập tin CSDL Access?

1. Nhập tên tập tin 2. Chọn Create 3. Chọn Blank DataBase 4. Vào File\New

 **A.** 4**→**2**→**3**→** 1 **B.** 4**→**3**→**2**→**1 **C.** 4**→**3**→**1**→**2 **D.** 4**→**1**→**3**→**2

**Câu 63.** Mẫu hỏi có tên gọi là gì?

 **A.** Query **B.** Form **C.** Table **D.** Report

**Câu 64.** Đối tượng nào giúp thuận lợi trong việc hiển thị, nhập dữ liệu cho bảng?

 **A.** Table **B.** Query **C.** Form **D.** Report

**Câu 65.** Báo cáo có chức năng gì?

 **A.** Sắp xếp, tìm kiếm, kết xuất dữ liệu, có thể tính toán.

 **B.** Lưu trữ dữ liệu, có thể thực hiện cập nhật.

 **C.** Tổng hợp, trình bày, tính toán và in dữ liệu.

 **D.** Tạo giao diện thuận lợi để nhập, hiển thị dữ liệu cho bảng.

**Câu 66.** Lựa chọn thứ tự để tự mở tập tin CSDL Access?

1. Chọn Open 2. Nháy đúp tập tin CSDL 3. Vào File

 **A.** 1**→**2**→**3 **B.** 1**→**3**→**2 **C.** 3**→**2**→**1 **D.** 3**→**1**→**2

**Câu 67.** Các chế độ làm việc của các đối tượng là gì?

 **A.** Design View và Preview **B.** Design View và Datasheet View

 **C.** Design View và Form **D.** Datasheet View và Form

**Câu 68.** Ở chế độ trang dữ liệu có thể thực hiện công việc nào dưới đây?

 **A.** Định dạng Font chữ cho biểu mẫu **B.** Xem thông tin của bảng

 **C.** Khai báo kiểu dữ liệu cho các cột **D.** Định dạng màu sắc cho tiêu đề cột.

**Câu 69.** Dòng lệnh nào để tạo bảng bằng tự thiết kế?

 **A.** Create Form by using wizard **B.** Create table by entering data

 **C.** Create Table by using wizard **D.** Create table in Design View

**Câu 70.** Khi đang ở chế độ Thiết kế, để chuyển sang chế độ Trang dữ liệu, ta chọn biểu tượng nào?

 **A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

[**Câu 71.** Trong Access Tên Table](https://doctailieu.com/trac-nghiem/trong-aceess-ten-table-c-khong-co-khoang-trang-trac-nghiem-mon-tin-hoc-van-25331)

 **A.** Có khoảng trắng

 **B.** Có chiều dài tên tùy ý

 **C.** Không có khoảng trắng

 **D.** Có chiều dài tối đa là 64 ký tự, không nên dùng khoảng trắng và không nên sử dụng tiếng Việt có dấu

[**Câu 72.** Các chức năng chính của Access?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/cac-chuc-nang-chinh-cua-access-d-ba-cau-tren-deu-dung-trac-nghiem-mon-tin-hoc-25333)

 **A.** Lập bảng

 **B.** Tính toán và khai thác dữ liệu

 **C.** Lưu trữ dữ liệu

 **D.** Ba câu trên đều đúng

[**Câu 73.**Các đối tượng cơ bản trong Access là:](https://doctailieu.com/trac-nghiem/cac-doi-tuong-co-ban-trong-access-la-c-bang-mau-hoi-bieu-mau-bao-cao-trac-25335)

 **A.** Bảng, Macro, Biểu mẫu, Mẫu hỏi

 **B.** Bảng, Macro, Biểu mẫu, Báo cáo

 **C.** Bảng, Mẫu hỏi, Biểu mẫu, Báo cáo

 **D.** Bảng, Macro, Môđun, Báo cáo

[**Câu 74.**Để định dạng, tính toán, tổng hợp và in dữ liệu, ta dùng:](https://doctailieu.com/trac-nghiem/de-dinh-dang-tinh-toan-tong-hop-va-in-du-lieu-ta-dung-d-report-trac-nghiem-25336)

 **A.** Table

 **B.** Form

 **C.** Query

 **D.** Report

[**Câu 75.** Kết thúc phiên làm việc với Access bằng cách thực hiện thao tác:](https://doctailieu.com/trac-nghiem/ket-thuc-phien-lam-viec-voi-access-bang-cach-thuc-hien-thao-tac-d-cau-b-hoac-c-25338)

 **A.** File/Close

 **B.** Nháy vào nút (X) nằm ở góc trên bên phải màn hình làm việc của Access

 **C.** File/Exit

 **D.** Câu B hoặc C

[**Câu 76.** Chọn kiểu dữ liệu nào cho truờng điểm “Toán”, “Lý”,...](https://doctailieu.com/trac-nghiem/chon-kieu-du-lieu-nao-cho-truong-diem-toan-ly-d-currency-trac-nghiem-mon-25341)

 **A.** AutoNumber

 **B.** Yes/No

 **C.** Number

 **D.** Currency

[**Câu 77.**Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường **THÀNH\_TIỀN** (bắt buộc kèm theo đơn vị tiền tệ), phải chọn loại nào?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/khi-chon-kieu-du-lieu-cho-truong-thanh_tien-bat-buoc-kem-theo-don-vi-tien-te-25340)

 **A.** Number

 **B.** Currency

 **C.** Text

 **D.** Date/time

[**Câu 78.** Trong Access, khi nhập dữ liệu cho bảng, giá trị của field **GIOI\_TINH** là True. Khi đó field **GIOI\_TINH** được xác định kiểu dữ liệu gì ?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/trong-access-khi-nhap-du-lieu-cho-bang-gia-tri-cua-field-gioi_tinh-la-true-25339)

 **A.** Yes/No

 **B.** Boolean

 **C.** True/False

 **D.** Date/Time

[**Câu 79.** Access là hệ QT CSDL dành cho:](https://doctailieu.com/trac-nghiem/access-la-he-qt-csdl-danh-cho-d-ca-a-va-c-trac-nghiem-mon-tin-hoc-van-phong-it-25332)

 **A.** Máy tính cá nhân

 **B.** Các mạng máy tính trong mạng toàn cầu

 **C.** Các máy tính chạy trong mạng cục bộ

 **D.** Cả A và C

**Câu 80.** Trong cùng một cột có thể nhập tối đa bao nhiêu loại dữ liệu

 **A.** 1

 **B.** 2

 **C.** 3

 **D.** 4

**Câu 81**: Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

 **A.** Trở về dữ liệu ban đầu sau khi lọc **B.** Thêm bản ghi mới

 **C.** Tìm kiếm và thay thế **D.** Xoá bản ghi

**Câu 82:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

 **A.** Lọc theo mẫu

 **B.** Lọc theo ô dữ liệu đang chọn

 **C.** Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự tăng dần

 **D.** Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự giảm dần

**Câu 83:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

 **A.** Chuyển sang chế độ trang dữ liệu      **B.** Chuyển sang chế độ thiết kế

 **C.** In dữ liệu từ bảng     **D.** Lưu cấu trúc bảng

**Câu 84:** Để chỉ định khoá chính, ta chọn trường làm khoá chính sau đó nháy nút

 **A.** 

 **B.** 

 **C.** 

 **D.** 

**Câu 85:** Trường Email có giá trị là: lop12A9@gmail.com. Hãy cho biết trường Email có kiểu dữ liệu gì?

 **A.** AutoNumber     **B.** Text/Short Text    **C.** Number     **D.** Currency

**Câu 86:** Dữ liệu kiểu số đếm, tăng tự động cho bản ghi mới là

 **A.** Number     **B.** Date/Time     **C.** Currency     **D.** AutoNumber

**Câu 87:** Công việc tạo và thay đổi cấu trúc bảng được thực hiện trong chế độ nào?

**A.** Chế độ trang dữ liệu

**B.** Chế độ thiết kế

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai

**Câu 88:** Người có vai trò quan trọng trong việc phân công quyền truy cập và sử dụng CSDL là

**A.** Người lập trình ứng dụng

**B.** Người dùng

**C.** Người quản trị CSDL

**D.** Cả ba ý trên

**Câu 89:** Cho các thao tác sau

(1) Nháy nút 

(2) Nháy nút 

(3) Chọn ô có dữ liệu cần lọc

Trình tự các thao tác để thực hiện việc lọc theo ô dữ liệu đang chọn là:

**A.** (3) → (2) → (1)     **B.** (2) → (3) → (1)

**C.** (1) → (3) → (2)     **D.** (3) → (1) → (2)

**Câu 90:** Ta nên chọn kiểu dữ liệu nào cho trường Don\_gia (Đơn giá VNĐ)?

 **A.** Currency     **B.** AutoNumber     **C.** Date/Time     **D.** Number

**Câu 91:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

**A.** Chở về dữ liệu ban đầu sau khi lọc     **B.** Thêm bản ghi mới

**C.** Tìm kiếm và thay thế     **D.** Xoá bản ghi

**Câu 92:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

**A.** Lọc theo mẫu

**B.** Lọc theo ô dữ liệu đang chọn

**C.** Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự giảm dần

**D.** Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự tăng dần

**Câu 93:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

**A.** Chuyển sang chế độ trang dữ liệu

**B.** Chuyển sang chế độ thiết kế

**C.** Lưu cấu trúc bảng

**D.** In dữ liệu từ bảng

**Câu 94:** Trong Access, để khai báo số điện thoại ta dùng kiểu dữ liệu nào?

**A.** Number     **B.** Date/Time     **C.** Currency     **D.** AutoNumber

**Câu 95:** Trong Access, dữ liệu kiểu tiền tệ là:

**A.** Number     **B.** Date/Time     **C.** Currency     **D.** AutoNumber

**Câu 96:** Trong Access, chế độ trang dữ liệu thực hiện công việc gì?

**A.** Tạo và thay đổi cấu trúc bảng

**B.** Cập nhật và thay đổi dữ liệu

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai

**Câu 97:** Người có nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL là

**A.** Người lập trình ứng dụng

**B.** Người dùng

**C.** Người quản trị CSDL

**D.** Cả ba ý trên

**Câu 98:** Ta nên chọn kiểu dữ liệu nào cho trường So\_luong (Số lượng)?

**A.** AutoNumber     **B.** Date/Time     **C.** Number     **D.** Currency

**Câu 99:** Việc lưu trữ dữ liệu đầy đủ và hợp lí sẽ:

**A.** Hỗ trợ thống kê, báo cáo, tổng hợp số liệu.

**B.** Hỗ trợ ra quyết định

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai.

**Câu 100:** Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu thật chất là

**A.** Ngôn ngữ lập trình Pascal

**B.** Ngôn ngữ C

**C.** Các kí hiệu toán học dùng để thực hiện các tính toán

**D.** Hệ thống các kí hiệu để mô tả CSDL

***------ HẾT ------***

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.D** | **2.B** | **3.B** | **4.A** | **5.B** | **6.D** | **7.A** | **8.B** | **9.C** | **10.C** |
| **11.A** | **12.B** | **13.D** | **14.A** | **15.B** | **16.A** | **17.D** | **18.D** | **19.C** | **20.A** |
| **21.D** | **22.D** | **23.D** | **24.B** | **25.C** | **26.B** | **27.C** | **28.C** | **29.A** | **30.A** |
| **31.A** | **32.D** | **33.A** | **34.C** | **35.A** | **36.A** | **37.B** | **38.C** | **39.C** | **40.C** |
| **41.A** | **42.A** | **43.A** | **44.A** | **45.D** | **46.C** | **47.A** | **48.A** | **49.C** | **50.A** |
| **51.C** | **52.B** | **53.B** | **54.D** | **55.B** | **56.A** | **57.C** | **58.D** | **59.B** | **60.A** |
| **61.A** | **62.C** | **63.A** | **64.C** | **65.C** | **66.D** | **67.B** | **68.A** | **69.D** | **70.B** |
| **71.D** | **72.D** | **73.C** | **74.D** | **75.D** | **76.C** | **77.B** | **78.A** | **79.D** | **80.A** |
| **81.B** | **82.A** | **83.C** | **84.D** | **85.B** | **86.D** | **87.B** | **88.C** | **89.D** | **90.A** |
| **91.C** | **92.D** | **93.A** | **94.A** | **95.C** | **96.B** | **97.B** | **98.C** | **99.C** | **100.D** |